

醫療

Y té

申請全民健康保險的條件

ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC XIN CẤP BẢO HIỂM Y TẾ

醫療
Y TẾ

健保卡：新生入境累計滿183天持有居留證明文件方可申請台灣健康保險，可至任何地區的診所、醫院使用 Thẻ bảo hiểm: Học sinh mới đến, lấy được thẻ cư trú và phải ở Đài Loan tính đủ 183 ngày mới có thể đăng kí bảo hiểm y tế Đài Loan.

每月費用826 và lấy được thẻ cư trú 元，會列入每學期學費繳費單 Phí bảo hiểm mỗi tháng 826 đài tệ, phí sẽ đưa vào hóa đơn nộp tiền học



1. 要在台灣住滿183天 Phải tính đủ 183 ngày
2. 不能出境超過30天 Không được xuất cảnh quá 30 ngày
3. 不能出境超過兩次 Không được xuất cảnh quá hai lần.

健保卡- Thẻ bảo hiểm y tế

醫療 Y TẾ

醫療 Y TẾ

Nếu cơ thể có bất kì vấn đề gì xảy ra cần liên hệ ngay với giáo viên chủ nhiệm hoặc văn phòng khoa hoặc văn phòng quản lý sinh viên quốc tế để hỗ trợ khám chữa bệnh.

若有任何問題，請第一時間連絡班導師、專班辦公室助理、外籍暨僑生輔導中心協助就醫。

在臺居留期間打工的規範

Quy định làm việc khi cư trú tại Đài Loan

◆打工前，必須向勞動部申請「工作證」

Trước khi làm việc phải đăng ký giấy chứng nhận làm việc tại bộ lao động

◆打工時數規定(就服法第50條)： quy định số thời gian làm việc
雇主聘僱下列學生從事工作，得不受第46條第一項規定
之限制；其工作時間**除寒暑假外，每星期最長為20小時**；

Thời gian làm việc ngoài nghỉ hè và nghỉ đông, mỗi tuần nhiều nhất không quá 20 tiếng

一、就讀於公立或已立案私立大專校院之外國留學生

二、就讀於公立或已立案私立高級中等以上學校之僑生及其他華裔學生

在臺居留期間打工的規範

Quy định làm việc khi cư trú tại Đài Loan

◆打工前，必須向勞動部申請「工作證」

Trước khi làm việc phải đăng ký giấy chứng nhận làm việc tại bộ lao động

◆打工時數規定(就服法第50條)： quy định số thời gian làm việc
雇主聘僱下列學生從事工作，得不受第46條第一項規定
之限制；其工作時間除寒暑假外，每星期最長為20小時；

Thời gian làm việc ngoài nghỉ hè và nghỉ đông, mỗi tuần nhiều nhất không quá 20 tiếng

一、就讀於公立或已立案私立大專校院之外國留學生

二、就讀於公立或已立案私立高級中等以上學校之僑生及其他華裔學生

在臺居留期間打工的規範

◆打工**未申請工作許可**或是**工作時數超過**規定皆屬**非法工作**，有非法工作的情形，非法雇主可被處罰15萬至75萬元罰鍰，非法工作者會有違反行政法規紀錄，恐致未來無法取得簽證入境臺灣。

Làm việc không có giấy chứng nhận làm việc hoặc làm việc quá số giờ quy định đều là làm việc phi pháp



外籍生在臺違反規範相關罰則

PENALTY NOTICE



外籍生在臺違反規範相關罰則

- ◆外籍生在臺有失聯情形，居留證遭廢止後被查獲者，將**暫予收容**後，裁罰並驅逐出國。
- ◆失聯外籍生在臺因無合法身分，**恐遭集團或不法人士利用甚至剝削**。
- ◆外籍生在臺曾有失聯及逾期紀錄亦會影響**未來無法取得簽證**入臺。

3

詐騙車手觸犯刑法、洗錢防制法最重可以判處幾年以下有期徒刑？



ANS: 7年以下

Quy định việc làm thêm

工讀法規宣導

台灣法規

Pháp luật Đài Loan

勞動基準法
Luật Lao động

法規名稱：勞動基準法 **EN**

修正日期：民國 109 年 06 月 10 日

法規類別：行政 > 勞動部 > 勞動條件及就業平等目

[所有條文](#)[編章節](#)[條號查詢](#)[條文檢索](#)[沿革](#)[立法歷程\(附帶決議\)](#)

※如已配合行政院組織改造，公告變更管轄或停止辦理業務之法規條文，請詳見沿革

第一章 總則

- 第 1 條** 1 為規定勞動條件最低標準，保障勞工權益，加強勞雇關係，促進社會與經濟發展，特制定本法；本法未規定者，適用其他法律之規定。
- 2 雇主與勞工所訂勞動條件，不得低於本法所定之最低標準。

第 2 條 本法用詞，定義如下：

- 一、勞工：指受雇主僱用從事工作獲致工資者。
- 二、雇主：指僱用勞工之事業主、事業經營之負責人或代表事業主處理有關勞工事務之人。
- 三、工資：指勞工因工作而獲得之報酬；包括工資、薪金及按計時、計日、計月、計件以現金或實物等方式給付之獎金、津貼及其他任何名義之經常性給與均屬之。
- 四、平均工資：指計算事由發生之當日前六個月內所得工資總額除以該期間之總日數所得之金額。工作未滿六個月者，指工作期間所得工資總額除以工作期間之總日數所得之金額。工資按工作日數、時數或論件計算者，其依上述方式計算之平均工資，如少於該期內工資總額除以實際工作日數所得金額百分之六十者，以百分之六十計。
- 五、事業單位：指適用本法各業僱用勞工從事工作之機構。
- 六、勞動契約：指約定勞雇關係而具有從屬性之契約。
- 七、派遣事業單位：指從事勞動派遣業務之事業單位。

台灣法規

Pháp luật Đài Loan

就業服務法
Luật Việc làm

法規名稱：就業服務法 **EN**

修正日期：民國 112 年 05 月 10 日

法規類別：行政 > 勞動部 > 就業服務目

[所有條文](#)[編章節](#)[條號查詢](#)[條文檢索](#)[沿革](#)[立法歷程\(附帶決議\)](#)

※如已配合行政院組織改造，公告變更管轄或停止辦理業務之法規條文，請詳見沿革

第一章 總則

第 1 條 為促進國民就業，以增進社會及經濟發展，特制定本法；本法未規定者，適用其他法律之規定。

第 2 條 本法用詞定義如下：

- 一、就業服務：指協助國民就業及雇主徵求員工所提供之服務。
- 二、就業服務機構：指提供就業服務之機構；其由政府機關設置者，為公立就業服務機構；其由政府以外之私人或團體所設置者，為私立就業服務機構。
- 三、雇主：指聘、僱用員工從事工作者。
- 四、中高齡者：指年滿四十五歲至六十五歲之國民。
- 五、長期失業者：指連續失業期間達一年以上，且辦理勞工保險退保當日前三年內，保險年資合計滿六個月以上，並於最近一個月內有向公立就業服務機構辦理求職登記者。

第 3 條 國民有選擇職業之自由。但為法律所禁止或限制者，不在此限。

第 4 條 國民具有工作能力者，接受就業服務一律平等。

第 5 條 ¹ 為保障國民就業機會平等，雇主對求職人或所僱用員工，不得以種族、階級、語言、思想、宗教、黨派、籍貫、出生地、性別、性傾向、年齡、婚姻、容貌、五官、身心障礙、星座、血型或以往工會會員身分為由，予以歧視；其他法律有明文規定者，從其規定。

工作證申請 XIN CẤP THẺ ĐI LÀM



- 學生上線申請工作證系統 [Đường link làm thẻ đi làm](#)
- 應備文件 Giấy tờ cần chuẩn bị 資料 pdf 檔 các loại giấy tờ cần chuẩn bị file pdf
- 1. 郵局收款收據 (同學需要到境外生中心領取單子, 然後到郵局付款) Phiếu thanh toán 100 đồng của bưu điện
- 2. 護照 Hộ chiếu
- 注意: 需有居留證與完成繳學雜費才能申請。
- Chú ý cần có thẻ cư trú hoặc hoàn thành tiền học phí mới xin giấy đi làm được
- 還沒開學辦, 需對附在學證明 (需註冊組蓋章)。
- Nếu xin trước khi nhập học phải kèm giấy xác nhận sinh viên (cần đóng dấu của 註冊組)

工作證 (勞基法相關)

QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN THẺ ĐI LÀM

- 不要沒有工作證的時候打工，**罰30,000元~150,000元**。並且有**驅逐出境**的。

Tuyệt đối không có thẻ đi làm mà đi làm, sẽ bị **phạt từ 3 vạn đến 15 vạn**. Và **bị buộc xuất cảnh** thậm chí bị **cấm nhập cảnh ít nhất 3 năm**.

- **每周**打工時數**不得超過20小時**。寒假、暑假則不限。

Mỗi tuần số tiếng **đi làm không vượt quá 20h** trừ nghỉ đông và nghỉ hè.

- 請務必不要為了找工作而與任何仲介簽約。

Đề nghị không thông qua môi giới tìm việc.

- **不要提供帳戶給不認識的人**，將會成為詐騙的人頭帳戶

Không được cung cấp giấy tờ cá nhân cho người khác (thẻ cư trú, sinh viên, hộ chiếu, ngân hàng...)

Nếu không muốn trở thành kẻ lừa đảo.

工作證 (勞基法相關)

quy định Có liên quan thẻ đi làm

申請流程 quy trình xin:

1. 申請帳號>登入>填寫資料(含劃撥收據編號)送審>學校審核>勞動部審核，全時程約10工作天。

Đăng kí tài khoản> đăng nhập> nhập dữ liệu (chứa số hiệu biên lai chuyển khoản) **gửi đi> nhà trường xét duyệt> bộ lao động xét duyệt>** toàn bộ **quá trình xử lí trong 10 ngày** làm việc.

2.核准後可於7日內申請帳號內下載電子許可證，若超過時間未下載，勞動部會寄出紙本許可證至學校並由外服中心收件。

Sau khi tài khoản được thẩm định, trong vòng 7 ngày có thể đăng nhập tài khoản tải file pdf, nếu như vượt qua thời gian tải xuống, bộ lao động sẽ gửi bản giấy về trung tâm dịch vụ của nhà trường.

3.若不許可或要求補件時學生會收到補件email通知。

Nếu đơn đăng kí không được chấp nhận hoặc phải bổ sung dữ liệu sẽ nhận được email thông báo.

Quy định việc làm thêm

Sinh viên nước ngoài cần có giấy phép đi làm mới có thể bắt đầu đi làm thêm

僑外生應取得工作許可始得工作

一掃：

掃描僑外生工作許可函上的 QR Code
驗證許可證

二核：

核對僑外生的居留證(或護照)及學生證
正本確認是否為本人

三查：

至勞動部「全國外籍勞工動態查詢系統」
查驗僑外生工作許可情形

Quét mã QR giấy phép đi làm

Xác nhận thông tin trên
Thẻ cư trú ARC (hay hộ
chiếu) và Thẻ học sinh

Đến trang “全國外籍勞工動態查詢系統” để kiểm tra
tình trạng giấy phép đi làm



Quy định việc làm thêm

勞動部函

機關地址：100 臺北市中正區中華路一段 39 號 10 樓
電話：(02)23801714 陳小姐



受文者：[REDACTED]
發文日期：中華民國 110 年 09 月 11 日
發文字號：勞動發事字第 1102675674 號

附件：

主旨：茲核發臺端依就業服務法第 50 條(外國留學生、僑生或華裔學生)申請之工作許可一案，詳如說明，請查照。

說明：

- 一、依據臺端 110 年 09 月 06 日申請書辦理。
- 二、臺端姓名、護照號碼、統一證號、就讀學校及許可期間如下：
[REDACTED] 護照號碼：[REDACTED]，統一證號：[REDACTED]，就讀學校：明新科技大學，工作許可期間自 110 年 10 月 01 日起至 111 年 03 月 31 日。
- 三、本許可於因休學或退學等喪失學籍狀態時，失其效力。又本許可期間屆滿後，如仍有工作之需求，應向本部重新申請工作許可。
- 四、臺端係依就業服務法第 50 條規定申請工作許可，工作時間除寒暑假外，每星期最長為 20 小時。未依規定申請工作許可或原許可失效，即受聘僱為他人工作者，處新臺幣 3 萬元以上 15 萬元以下罰鍰。
- 五、在華工作之外國人，應依中華民國相關法令繳納稅捐及「入出國及移民法」規定辦理居留、延期或變更登記。
- 六、依據就業服務法第 62 條規定，主管機關、入出國管理機關、警察機關、海岸巡防機關或其他司法警察機關得指派人員攜帶證明文件，至外國人工作之場所或可疑有外國人違法工作之場所，實施檢查。
- 七、臺端申請來臺簽證，應依相關簽證規定辦理，並由外交部及駐外館處依權責准駁。
- 八、臺端於本部核發工作許可期間，如有適用其他法令之規定，應從其規定。
- 九、臺端如由國外入境，應依嚴重特殊傳染性肺炎防治及紓困振興特別條例相關規定辦理居家檢疫 14 天，不得外出。如違反居家檢疫規定，將依法裁處新臺幣 10 萬元至 100 萬元罰鍰。

正本：[REDACTED]

工讀法規宣導

工作證
THẺ ĐI LÀM

工讀法規宣導

Quy định việc làm thêm

Người nước ngoài chưa hoặc không được duyệt giấy phép đi làm mà đi làm thêm bất hợp pháp sẽ bị phạt từ 3 vạn đến 15 vạn Đài tệ. 外國人未經許可或原許可失效，非法從事工作者，處3萬元以上15萬元以下罰鍰。

Dựa theo điều 50 luật “Dịch vụ việc làm” của Trung Hoa Dân Quốc, định định ngoại trừ thời gian nghỉ hè và nghỉ đông, mỗi tuần chỉ được làm thêm 20 giờ. 依照中華民國“就業服務法”第50條規定工作時間除寒暑假外，每星期最長為20小時。

Quy định việc làm thêm

工讀法規宣導

提醒 **Nhắc nhở**

- 持有合法工作證並依照中華民國“就業服務法”第50條規定工作時間除寒暑假外，每星期最長為20小時。
- Dựa theo điều 50 luật “Dịch vụ việc làm” của Trung Hoa Dân Quốc, định định ngoại trừ thời gian nghỉ hè và nghỉ đông, **mỗi tuần chỉ được làm thêm 20 giờ**
- 請學生依照規定至合法工作場所工讀(公司需協助投保勞工保險)
- Học sinh vui lòng tuân thủ quy định đến làm thêm ở những nơi hợp pháp (công ty cần có bảo hiểm lao động)

工讀法規宣導

Quy định việc làm thêm

提醒 Nhắc nhở

- 請學生依照學校宿舍規定準時回宿。
- Học sinh vui lòng về kí túc xá đúng giờ
- 若有任何工讀問題，請第一時間通知(聯絡)辦公室、導師，將協助處理。
- Nếu cơ thể có bất kì vấn đề gì về việc làm thêm cần lên hệ ngay với giáo viên chủ nhiệm hoặc văn phòng khoa để hỗ trợ

工讀法規宣導

Quy định việc làm thêm

提醒 Nhắc nhở

- 工讀期間務必注意環境、物品，避免損毀他人財產。
- Trong lúc đi làm thêm cần chú ý môi trường, đồ vật, tránh làm tổn hại đến tài sản người khác
工廠：注意設備危險區域，避免觸碰。
- Công ty, công xưởng: chú ý khu vực các thiết bị nguy hiểm, hạn chế bị đụng trúng
餐廳：注意高溫、危險地區，小心操作。
- Nhà hàng, quán ăn: chú ý các khu vực có nhiệt độ cao, nguy hiểm, cẩn thận thao tác làm việc

工讀法規宣導

Quy định việc làm thêm

提醒 Nhắc nhở

範例 trường hợp cụ thể

專班學生在火鍋店打工，幫客人換瓦斯的時候不小心讓瓦斯起火燒到客人，客人被燙到送醫院，那位專班學生至少要賠了20000元

Học sinh chuyên ban trong lúc làm thêm ở quán lẩu, trong lúc thay chai Gas cho khác đã không cẩn thận làm lửa bùng lên cháy đến khách, khác bị bỏng đến mức phải đi bệnh viện, bạn học sinh chuyên ban đó ít nhất phải bồi thường 20.000NT



工讀法規宣導

Quy định việc làm thêm

範例 trường hợp cụ thể

提醒 Nhắc nhở

專班學生在工地打工被騙，做了一段時間雇主跑掉他打工的薪水都沒領到

Học sinh chuyên ban trong lúc làm thêm ở công trường bị lừa, làm việc một thời gian thì chủ thầu chạy trốn, toàn bộ tiền lương đều mất hết.



學則相關

QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN TRONG THỜI GIAN HỌC TẠI TRƯỜNG

- 休學規定 Quy định bảo lưu
- 大學部一次一年，研究所一次半年 Đại học 1 lần 1 năm, thạc sĩ 1 lần nửa năm
- 大學部最長兩年，兩年內未復學則退學 Xin bảo lưu dài nhất là 2 năm đối với sinh viên Đại học , trong vòng 2 năm không đăng ký học lại sẽ bị thôi học
- 退學規定 Quy định thôi học
 1. 有刑事上確定判刑 Có bản án hình sự
 2. 兩學期成績全部不及格 Liên tiếp hai học kỳ đều không qua môn
 3. 同時去註冊其他學校者 Đăng ký nhập học nhiều trường cùng một lúc
 4. 於期限內未繳交學費制規定者 Trong thời gian quy định không đóng học phí
 5. 其他重大事件 Những vấn đề nghiêm trọng khác

QUY ĐỊNH XIN NGHỈ HỌC

請假規定



請假規定

Quy định xin nghỉ học

提醒 Nhắc nhở

- 請假天數不同，需經各關卡完成請假手續（系辦公室或者外輔中心提供假單），假單最後要回到生活輔導組辦公室【辦公司在明光樓】。
- Dựa theo số ngày nghỉ mà có thủ tục khác nhau, cần phải thông qua nhiều phòng ban trong trường để hoàn thành thủ tục (văn phòng khoa hoặc phòng quản lý sinh viên quốc tế sẽ cấp đơn xin nghỉ), sau khi hoàn thành kí tên đóng dấu sau cùng đơn xin nghỉ phải nộp về văn phòng quản lý sinh viên của toàn trường tại tòa nhà Minh Quang.

請假規定

Quy định xin nghỉ học

提醒 Nhắc nhở

1. 所有請假必須提供作證資料，若未提供一律以曠課(曠職)論 cần phải Cung cấp đầy đủ các giấy tờ sau để làm chứng, nếu không nộp thì sẽ bị ghi vắng học
2. 事假(提供資料證明、提早3天完成請假) Nghỉ có việc (cần cung cấp giấy tờ chứng minh, cần hoàn thành thủ tục xin nghỉ trước 3 ngày)
3. 婚、喪假(提供資料證明、提早3天完成請假) Nghỉ kết hôn, tang lễ (cần cung cấp giấy tờ chứng minh, cần hoàn thành thủ tục xin nghỉ trước 3 ngày)
4. 病假(提供看診收據，事後完成補請假程序) Nghỉ bệnh (cần cung cấp giấy khám bệnh, sau khi xong việc thì cần bù lại thủ tục xin nghỉ)

請假規定

Quy định xin nghỉ học

提醒 Nhắc nhở

明新科技大學境外（越南產學合作專班）學生請假單使用																					
Trường ĐH KHKT Minh Tân (Nhà trường và Doanh nghiệp cùng hợp tác) Giấy xin nghỉ phép dành cho SV Việt Nam																					
科系Khoa :		班級Lớp :		年級Năm học :		班 學號Mã số SV :		姓名Họ tên :													
◎詳細閱下列注意事項，並妥慎使用及保管假單◎ Đọc kỹ các nội dung dưới đây, cần trọng trong việc sử dụng và bảo quản giấy xin phép này																					
1. 請假請檢附證明，事假請於事前完成請假，喪假、病假請於返校後3日內完成請假，逾期不予准假。公假請使用學校公假單請假。Xin phép nghỉ học phải đính kèm giấy tờ chứng minh. N ế u nghỉ vì lý do riêng phải hoàn thành giấy xin phép nghỉ học trước khi nghỉ. N ế u nghỉ vì gia đình có đám tang, nghỉ ốm thì trong vòng 3 ngày sau khi trở lại trường phải hoàn thành giấy xin phép, n ế u quá 3 ngày coi như không xin phép. N ế u nghỉ vì việc công xin vui lòng đi ề n mẫu đơn công vụ.																					
2. 長期病假、分娩假請檢附相關證明，呈國際長批核。（請假2日以上請附上個人課表，以利登錄正確請假節數）。Nghỉ ốm dài ngày, nghỉ sinh đẻ vui lòng đính kèm các chứng từ liên quan, giấy xin phép phải có đóng dấu của Trường phòng Quốc tế. (Xin nghỉ 2 ngày trở lên phải đính kèm theo thời khóa biểu, để tiện cho việc tính toán số t ỉ ệ t học xin nghỉ)																					
3. 准假權責：1日內（含）由導師、外服中心核准，3日內（含）送外服中心主任核准，4日以上由副國際長核准，7日以上由國際長核准。上述程序完成後，假單撤回生輔組登錄，始完成請假手續。（已銷假之假單請至生輔組班級信箱領取）。Các cấp phê duyệt: N ế u xin nghỉ một ngày, xin dấu của giáo viên chủ nhiệm và văn phòng hỗ trợ sinh viên quốc t ế . N ế u xin nghỉ trong vòng 3 ngày, xin dấu của chủ nhiệm văn phòng hỗ trợ sinh viên quốc t ế . Xin nghỉ từ 4 ngày trở lên, xin dấu của phó Trường phòng Quốc t ế . Xin nghỉ 7 ngày trở lên, xin dấu của Trường phòng Quốc t ế . Giấy phép sau khi đã đóng dấu, vui lòng gửi tới Tổ phụ đạo đời sống sinh viên để xác nhận thông tin và hoàn thành thủ tục. (Giấy nghỉ phép sau khi được xác nhận sẽ được đưa đ ề n hộp thư của Tổ phụ đạo đời sống sinh viên chuyển phụ trách khoa, lớp nhận)																					
4. 請假單請仔細填寫，請勿塗改。Giấy xin phép nghỉ học phải được điền đầy đủ thông tin, vui lòng không tẩy xóa.																					
5. 請同學經常上網查核個人缺曠記錄，如有誤登或與現況不符情形，請持假單至生輔組辦理修正。Học sinh đăng nhập tài khoản web sinh viên để theo dõi số t ỉ ệ t nghỉ học, n ế u có sai sót vui lòng đem giấy nghỉ học hợp lệ tới Tổ phụ đạo đời sống sinh viên để sửa lại.																					
同學請填妥黑框內資料 Học sinh điền đầy đủ thông tin dưới đây								請假1日內（含）核准 Xin nghỉ 1 ngày		3日內（含） Nghỉ 3 ngày		4日以上 Nghỉ 4 ngày trở lên		7日以上 Nghỉ 7 ngày trở lên		生輔組 Tổ phụ đạo đ ời sống SV					
類別(圈選) Khoanh tròn lý do nghỉ:		起訖時間 Ngày tháng xin nghỉ				課表節次(圈選) Khoanh tròn số tiết nghỉ				導師 Giáo viên CN		外服中心 Văn phòng hỗ trợ SV quốc tế		外服中心主任 Chủ nhiệm VP hỗ trợ SV quốc t ế		副國際長 P.Trường khoa QT		國際長 Trường khoa QT		請假註記 Xác nhận Trá nhập	
1	事 Việc	病 Ôm	喪 Tang	自 Từ	年 Năm	月 Tháng	日 Ngày	1	2	3	4										
	至 Đến			年 Năm	月 Tháng	日 Ngày	5	6	7	8											
其他Khác :																					
2		請班導老師明確簡述學生請假原因 Đề nghị Giáo viên chủ nhiệm ghi rõ thỏ ng tin học sinh xin nghỉ phép																			

QUY ĐỊNH MỚI ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP THƯỜNG XUYÊN NGHỈ HỌC



教育部關懷資訊

THÔNG TIN LIÊN LẠC CỦA BỘ GIÁO DỤC



教育部 關懷你

教育部關懷大專校院境外學生在臺的生活與學習，
除了校內管道諮詢各項生活、就學事宜外，
你也可透過境外學生輔導機制表達意見。

The Ministry of Education is committed to providing
a friendly study environment for overseas students and
to resolving any issues you encounter while studying in Taiwan.
If some issue arises, you should contact your university and
you can also reach us here:



境外學生諮詢平臺信箱

Our overseas student inquiry window

www.nisa.moe.gov.tw



專線電話 **0800-789-007** (中、英、印尼、越南語)

Hotline - in Chinese, English, Indonesian & Vietnamese

WE CARE ABOUT YOU

Inquiry Service for Overseas Students

教育部 關懷你



NISA+

大專校院境外學生輔導人員支援體系



專線電話 (中、英、印、越) Toll free hotline

0800-789-007

in Chinese, English, Indonesian & Vietnamese



諮詢信箱 Inquiry window

www.nisa.moe.gov.tw

警察局 Police Hotline: 110

外交部領事事務局 Visa Inquiry: (02) 2343-2888

勞動部 EZ Work Taiwan: 1955

移民署 Foreigner Hotline: 0800-024-111



AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

道路安全規範

台灣法規

Pháp luật Đài Loan

國際專修部－外籍暨僑生輔導中心

道路交通安全規則
Luật an toàn giao thông

**全國法規資料庫**
Laws & Regulations Database of The Republic of China (Taiwan)

Q 整合查詢 ▼ 請輸入關鍵字 查詢 輔助說明

熱門詞彙：刑法、職業安全衛生、勞基法、憲法、性騷擾

最新訊息 中央法規 司法解釋 條約協定 兩岸協議 綜合查詢 跨機關檢索

現在位置：首頁 > 中央法規 > 所有條文

f X P LINE 下載 友善列印

所有條文

法規名稱：道路交通安全規則

修正日期：民國 112 年 06 月 29 日

法規類別：行政 > 交通部 > 公路目

第一章 總則

第 1 條 本規則依道路交通管理處罰條例第九十二條第一項規定訂定之。

第 2 條 一 本規則用詞，定義如下：
一、汽車：指在道路上不依軌道或電力架線而以原動機行駛之車輛（包括機車）。
二、客車：指載乘人客四輪以上之汽車。
三、貨車：指裝載貨物四輪以上之汽車。
四、客貨兩用車：指兼載人客及貨物之汽車。
五、代用客車：指不載貨時代替客車使用之貨車。
六、幼童專用車：指專供載運二歲以上未滿七歲兒童之客車。
七、特種車：指有特種設備供專門用途而異於一般汽車之車輛，包括吊車、救濟車、消防車、救護車、警備車、憲警巡邏車、工程車、教練車、身心障礙者用特製車、灑水車、郵車、垃圾車、清掃車、水肥車、囚車、殯儀館運靈車及經交通部核定之其他車輛。
八、曳引車：指專供牽引其他車輛之汽車。
九、拖車：指由汽車牽引，其本身並無動力之車輛；依其重量等級區分，總重量逾七百五十公斤者為重型拖車，七百五十公斤以下者為輕型拖車。
十、全拖車：指具有前後輪，其前端附掛於汽車之拖車。
十一、半拖車：指具有後輪，其前端附掛於曳引車第五輪之拖車。
十二、拖架：指專供裝運十公尺以上超長物品並以物品本身連結曳引車之架形拖車。
十三、聯結車：指汽車與重型拖車所組成之車輛。但不包括小型車附掛總重逾七百五十公斤至三千公斤以下拖車。
十四、全聯結車：指一輛曳引車或一輛汽車與一輛或一輛以上重型全拖車所組成之車輛。
十五、半聯結車：指一輛曳引車與一輛重型半拖車所組成之車輛。
十六、車重：指車輛未載客貨及駕駛人之空車重量。
十七、載重：指車輛允許載運客貨之重量。
十八、總重：指車重與載重之全部重量。
十九、總聯結重量：指曳引車及拖車之車重與載重之全部重量。

道路安全規範

An toàn giao thông đường bộ

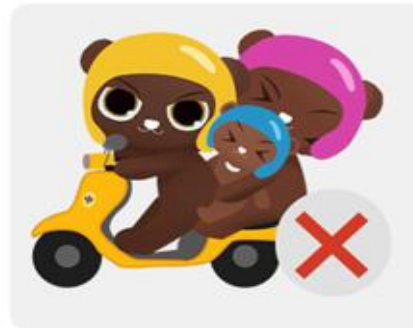
提醒 Nhắc nhở

機車篇

一、駕駛機車應同時具備以下兩點資格、條件及證照

1. 年滿18歲。
2. 已考領(或換領)我國之駕照，或具互惠國之本國籍駕照與國際駕照。

二、機車行車前注意事項



1. 政府規定，機車應購買強制機車責任保險。
2. 吸食毒品或飲酒後均不允許騎機車，否則可能涉及刑責。
3. 機車附載乘客人數限1人，但小型輕型機車不得附載乘客。

道路安全規範

An toàn giao thông đường bộ

三、機車行車中注意事項

1. 機車騎士及乘客均應戴安全帽。
2. 車輛靠右行駛，並依標誌、標線之指向行駛。
3. 駕駛人不得在道路上蛇行、嚴重超速，或任意以迫近、驟然變換車道等不當方式逼迫他人讓道之危險駕車行為。



4. 駕駛機車時禁止手持方式使用手機、禁止吸菸。

提醒 Nhắc nhở

An toàn giao thông đường bộ

機車車禍
Tai nạn giao thông

無照駕駛



道路安全規範

An toàn giao thông đường bộ

機車車禍
Tai nạn giao thông



道路安全規範

AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

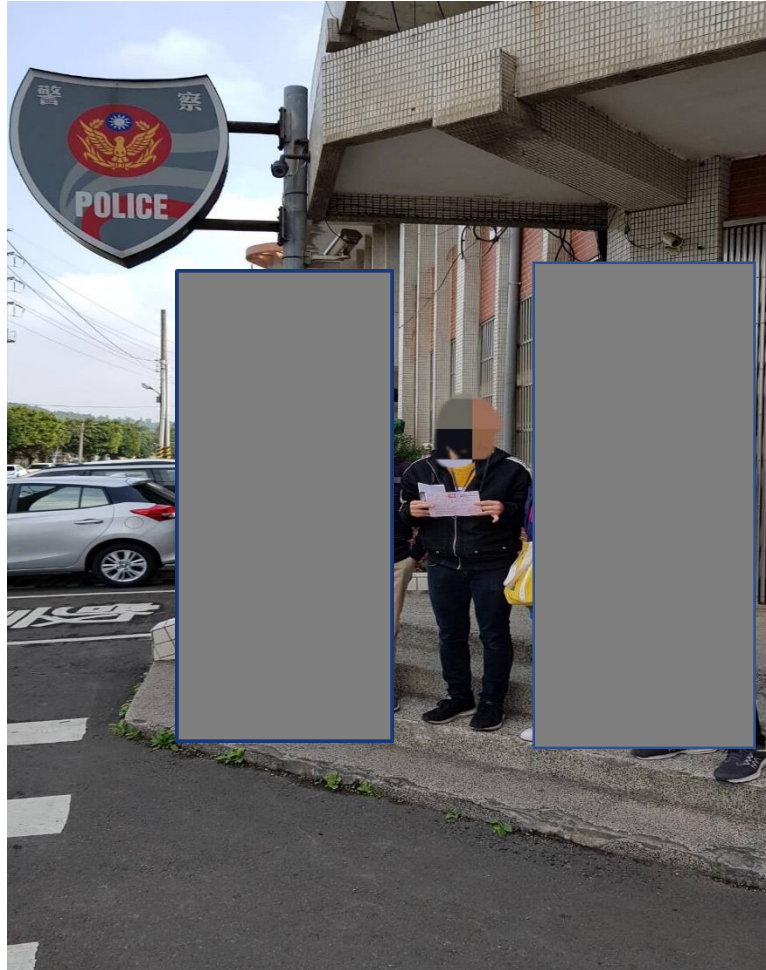
機車車禍
Tai nạn giao thông



道路安全規範

AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

騎機車無照駕駛 機車
Không có bằng xe máy



交通安全 AN TOÀN GIAO THÔNG

處理交通安全流程

Quy trình xử lý khi xảy ra tai nạn giao thông

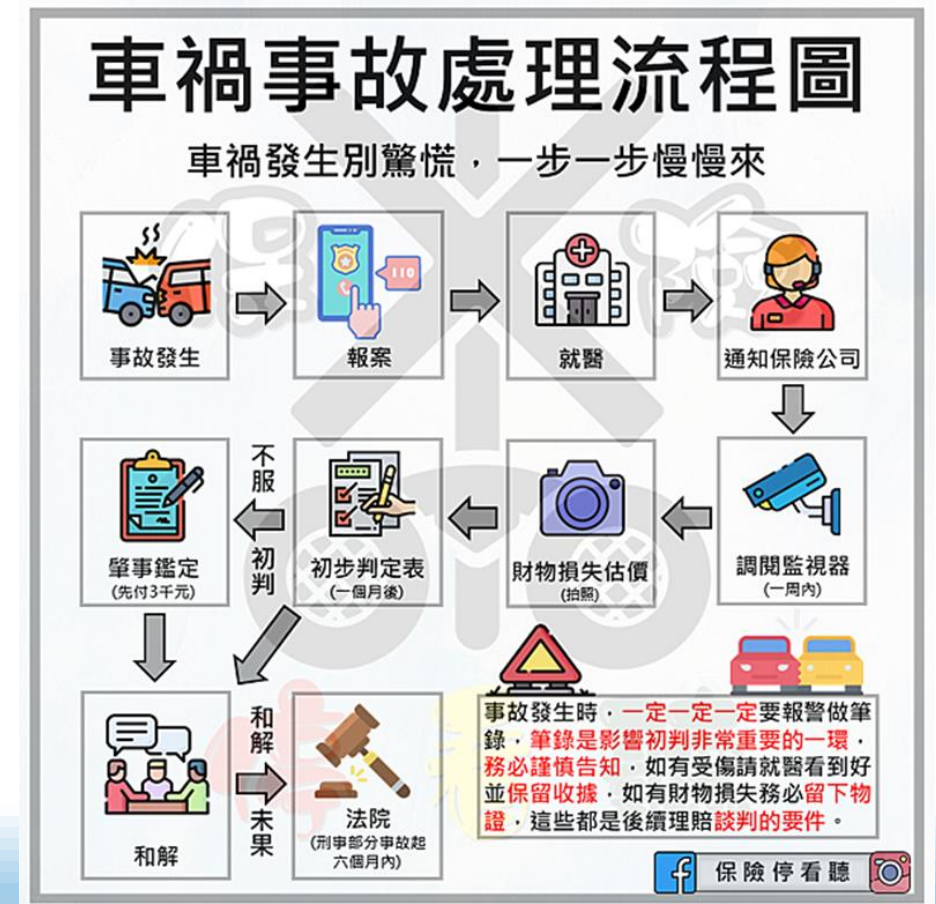
1. 學生騎機車一定要保強制險，否則會受罰款1500-3000，肇事更會加重罰款6000到三萬元，還會扣留牌照。

Phải tham gia bảo hiểm xe máy bắt buộc, nếu không sẽ bị phạt từ 1500-3000, xảy ra tai nạn phạt 6000 đến 3 vạn, thu hồi bản số xe.

1. 學生買舊的機車時需辦理過戶手續，避免以後會造成很多麻煩及法律責任。

Mua hoặc bán xe máy cũ phải sang tên, tránh chịu trách nhiệm hoặc bị phạt có liên quan.

1. 依據道路交通管理處罰條例第21條第1項第1款規定：未領有駕駛執照駕駛小型車或機車，處罰新臺幣6,000元至1,2000元罰鍰並當場禁止其駕駛。
2. Không có bằng lái điều khiển xe máy, phạt từ 6000 đến 12000, cấm điều khiển xe.





請勿去禁制標誌的危險水域遊玩

Vui lòng không đi đến những khu vực có biển báo nguy hiểm để tắm, lặn, chơi đùa ...



請勿去禁制標誌的危險水域遊玩

Vui lòng không đi đến những khu vực có biển báo nguy hiểm để tắm, lặn, chơi đùa ...



台灣法規

Pháp luật Đài Loan

性別平等法
Luật Bình đẳng giới

法規名稱：性別平等教育法 **EN**

修正日期：民國 112 年 08 月 16 日

生效狀態：※本法規部分或全部條文尚未生效，最後生效日期：民國 113 年 03 月 08 日 [連結舊法規內容](#)
112.08.16 修正公布之第 2 條第 2 項、第 3 條第 2 款、第 3 款第 4 目、第 5 條第 2 項、第 7～9、21、29、30 條、第 33 條第 2 項前段但書、第 3 項、第 37、40、44 條自中華民國一百十三年三月八日施行。

法規類別：行政 > 教育部 > 學生事務及特殊教育目

所有條文

編章節

條號查詢

條文檢索

沿革

立法歷程(附帶決議)

※如已配合行政院組織改造，公告變更管轄或停止辦理業務之法規條文，請詳見沿革

第一章 總則

- 第 1 條** 1 為促進性別地位之實質平等，消除性別歧視，維護人格尊嚴，厚植並建立性別平等之教育資源與環境，特制定本法。
- 2 校園性騷擾事件之適用範圍依本法規定處理，因當事人身分關係不在本法規定之適用範圍者，視其情形分別適用性別平等工作法或性騷擾防治法。
- 第 2 條** 1 本法所稱主管機關：在中央為教育部；在直轄市為直轄市政府；在縣（市）為縣（市）政府。
- 2 本法所定事項，於軍事學校、預備學校、警察各級學校及少年矯正學校辦理時，以其所屬主管機關為本法所稱主管機關。
- 3 本法所定事項涉及各目的事業主管機關業務時，各該機關應配合辦理。
- 第 3 條** 本法用詞，定義如下：
- 一、性別平等教育：指以教育方式教導尊重多元性別差異，消除性別歧視，促進性別地位之實質平等。
- 二、學校、教師、職員、工友及學生：
- （一）學校：指公私立各級學校、軍事學校、預備學校、警察各級學校及少年矯正學校。

教育部函性別平等教育法修正案，業奉
總統112年8月16日華總一義字第
11200069321號令公布

發文日期：中華民國112年8月21日
發文字號：臺教學(三)字第1120081606號

主旨：

性別平等教育法修正案，業奉總統112年8月16日
華總一義字第11200069321號令公布，請轉知所屬，
請查照。

說明：

- 一、依總統府秘書長112年8月16日華總一義字第
11200069320號函辦理。
- 二、本修正案刊載於總統府公報第7677號(另見本
府網站<https://www.president.gov.tw>公報系統)。

性別平等法
Luật Bình đẳng giới

性別平等教育法修法重點

友善、可信賴、有效



112/07/13

適用
範圍

公私立學校、軍警矯正學校
當事人、法定代理人、**實際照顧者**，可主張權益
性侵害、性騷擾、性霸凌、**違反與性或性別有關的專業倫理行為**

輔導
機制

保障受教權
提供心理輔導、保護措施、**法律協助**、**社福資源轉介**等協助
涵蓋其他法規性別事件的學生受害者

知悉
通報

現 知悉疑似24
小時內通報，
違反有罰則

申請
調查

現 任何人都可向
學校檢舉
3日內交性平會
20日內回復受理

性平
調查

現 專責性平會2個月完成調查，
必要時最多可延長2個月

- 修 行為人為校長、教職員工，
調查小組全部外聘
- 修 校長涉案於調查期間
調整或停止職務
- 修 明文吹哨者
保障
- 修 行為人為校長，
由學校主管機
關調查

通知
申復

現 調查完成2個月內
議處並通知結果，
接獲通知20日內
提出申復

- 修 學校主管機關監督
機制
 - 處理中適法監督、糾正
 - 學校性平會處置結果
有違法或不當時，由主管
機關性平會直接審議

處置
措施

- 現 行為人懲處
學校及主管機關處置：
 - 心理輔導
 - 8小時性平課程
 - 向被害人道歉
- 修 導入輔導策略
促進修復式正義
- 修 被害人得請求
懲罰性賠償金

性別平等

BÌNH ĐẲNG GIỚI

- 台灣非常重視性別平等
Đài loan rất coi trọng vấn đề bình đẳng giới.
- 如果遭遇各種性別歧視、騷擾、侵害等事情，請盡速聯絡校內師長
Nếu gặp phải các hình thức phân biệt đối xử về giới, quấy rối, xâm phạm,... vui lòng liên hệ với các giáo viên trong trường càng sớm càng tốt.
- 校方將保證同學在相關事件上的安全及隱私
Nhà trường sẽ đảm bảo sự an toàn, riêng tư của Sinh viên.

BÌNH ĐẲNG GIỚI TẠI ĐÀI LOAN

性別平等在台灣的簡介

- Bình đẳng giới tại Đài Loan: Đài Loan được xem là một trong những quốc gia tiên tiến nhất về quyền bình đẳng giới ở châu Á, với hệ thống luật pháp và chính sách rõ ràng để bảo vệ các quyền liên quan đến giới tính và giới tính sinh học. 性別平等在台灣: 台灣被認為是亞洲最先進的性別平等國家之一，擁有明確的法律和政策，保護有關性別和性別認同的權利。
- Quyền LGBTQ+: Đài Loan là quốc gia đầu tiên ở châu Á hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới vào năm 2019, thể hiện cam kết mạnh mẽ đối với bình đẳng giới và quyền LGBTQ+. LGBTQ+權益: 台灣是亞洲第一個於2019年合法化同性婚姻的國家，展現了對性別平等和LGBTQ+權益的強烈承諾。
- 性別平等在台灣
- 性別平等保護所有人，包含國際學生。
- 台灣是亞洲性別平等的領導者。
- 同性婚姻在台灣合法。
- Trang web tham khảo:[性別平等教育法 (Bộ Giáo dục Đài Loan)]
- (https://www.edu.tw/News_Content.aspx?n=20B7FD43A3AA2B52&sms=E047A6CC7FC89F89&s=BF6C8826FA8614F3)



LUẬT GIÁO DỤC BÌNH ĐẲNG GIỚI

Năm ban hành

Luật được ban hành vào năm 2004.

Mục đích

Đảm bảo không phân biệt đối xử trong trường học.

Phạm vi

Bảo vệ quyền liên quan đến giới tính, xu hướng.

KHÁM CHỮA BỆNH

明新科技大學附近診所與醫院 Bệnh viện và phòng khám gần trường :

- 永杏小兒科診所 Phòng Khám Nhi Vĩnh Hạnh 電話 Điện thoại : 03 557 2775 (從學校走路到診所大概4分鐘 Từ nhà trường đi bộ đến phòng khám tầm 4 phút)
- 吳家仁小兒科診所 Phòng Khám Nhi Ngô Gia Nhân 電話 Điện thoại : 03 557 5302 (新豐火車站附近 gần ga Tân phong)
- 東元綜合醫院 Bệnh Viện Đông Nguyên 電話 Điện thoại: [03 552 7000](tel:035527000) (每天經過學校-兩班次(Mỗi ngày có 2 chuyến xe buýt đi ngang qua Trường đến bệnh viện Đông Nguyên)
- 中國醫藥大學新竹附設醫院(Bệnh Viện Đại Học Y Khoa Trung Quốc Trục Thuộc Tân Trúc) 電話 Điện thoại : 03 558 0558

防詐騙 Phòng lừa đảo

1. 千萬不要亂給別人證件正本或照片。

Không giao bản chính hoặc bản photo giấy tờ cá nhân cho người khác một cách tùy tiện.

1. 詐騙方式及手法捉著民眾貪小便宜及恐嚇心態，要戒除人性之貪念，接獲任何可疑來歷不明之事情，請不要依他們做事，需立即通報老師。

Phương thức lừa đảo là đánh vào tâm lý tham lam để uy hiếp, cần dứt bỏ lòng tham, khi nhận được việc đáng ngờ, không rõ nguồn gốc, xin đừng làm theo, cần báo ngay cho thầy cô.

台灣法規 Pháp luật Đài Loan

詐騙

Lừa đảo

假檢警詐騙

內政部 刑事警察局
CRIMINAL INVESTIGATION BUREAU
165 Anti-fraud Hotline Service

01



- 歹徒自稱是中華電信客服謊稱民眾證件遭人冒用申辦多支門號，電話費欠繳或假藉健保局官員稱健保卡遭盜刷
- 歹徒自稱是警察、檢察官，表示民眾涉及刑案、帳戶涉及洗錢

歹徒要求民眾前往超商或加line接收假公文。或要求民眾每天用line向檢察官報到。

LINE

03



假冒書記官的車手前往領取民眾交付款項或要求民眾放置於指定處所前往領取。

04



歹徒表示因調查案件需要做全面清查，要求民眾交付名下所有帳戶監管。

此時要求民眾去解除定存、保單、臨櫃匯款、網路轉帳等

詐



02



台灣法規 Pháp luật Đài Loan

詐騙

Lừa đảo

假愛情交友詐騙

STEP
01



歹徒用帥哥、美女圖
於交友APP、社群軟體
隨機搭訕、加好友

STEP
03



以各種理由說要將
積蓄、退休金等貴重
物品以包裹寄給你，
拜託你代收、代保管

STEP
05



收到匯款後便人間
蒸發、再也聯繫不上

STEP
02



自稱戰地軍官(醫)、駐外
工程師等成功人士
每天噓寒問暖、喊你寶
貝、親愛的、老公老婆

STEP
04



以包裹卡在機場、港口需
繳納關稅、手續費等理由
陸續要求民眾於短時間內
儘速前往匯款

詐

根本沒有包裹



台灣法規 Pháp luật Đài Loan

詐騙

Lừa đảo

假投資詐騙



Step1

臉書、IG、YT
或簡訊看到投資
訊息，並且加
好友



Step2

假客服群組提
供投資網站，
稱以量化分析
高獲利



Step3

匯款至不認識
的個人戶或戶
名為建材行、
茶葉行、企業
社等人頭帳戶



Step4

想領出獲利
遭拒絕，要
求需繳保證
金、扣稅等
或關閉網站

台灣法規 Pháp luật Đài Loan

詐騙

Lừa đảo

假網拍詐騙

內政部 刑事警察局
CRIMINAL INVESTIGATION BUREAU
165 Anti-fraud Hotline Service



歹徒於社群平臺張貼
販售各類商品貼文
吸引民眾洽談



利用網路匯款、貨到付款、
LINE PAY、購買遊戲點數
等方式進行交易



付款後對方失去聯繫，
驚覺遭詐



利用社群平臺購物遭詐風險高



慎選優良商譽、提供第三方支付管道之拍賣平臺

台灣法規

Pháp luật Đài Loan

請不要將自己重要的證件如居留證、護照、健保卡、印章借（賣）給他人，以免他人盜用資料，若利用你的資料進行違法事件，嚴重將面臨法律責任及延伸相關法律賠償問題。

Vui lòng không cho người khác mượn (bán) các giấy tờ quan trọng của mình như thẻ cư trú, hộ chiếu, thẻ bảo hiểm y tế, tài khoản ngân hàng, con dấu để tránh người khác chiếm đoạt thông tin của mình. Nếu người khác sử dụng thông tin của mình để thực hiện các hoạt động trái pháp luật, bạn sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý nghiêm trọng và các vấn đề bồi thường liên quan.

台灣法規 Pháp luật Đài Loan

詐騙

Lừa đảo



5A22072711631 - 554

得採網際網路、語音轉帳、郵繳或向經委託代收之機構繳納罰鍰 須至應到案處所聽候裁決	被通知人 ✓ 汽車駕駛人 其他行為人	新竹縣政府警察局 舉發違反道路交通管理事件通知單 (本聯交被通知人收執)	保險證 有出示 未出示 逾期
---	--------------------------	--	-------------------------

120910D50

[通知聯] 竹縣警交字第 E89673732 號

使人(為人)名	逕行舉發 附採證照片	性別	男 女	地址	本單可至郵局或超商門市繳納罰鍰
號碼	BRC	出生年月日	年 月 日	駕照或身分證統一編號	代保管物件 無
地址	同駕駛人(或行為人)地址 304新竹縣新豐鄉新興路1號	車輛種類	自用小客車(Q)	車主姓名	同駕駛人(或行為人)姓名
時間	112年07月10日17時45分	違規事實	汽車駕駛人行車速度，超過規定之最高時速20公里以內(採區間平均速率)		
地點	台15線鳳鼻尾隧道69.5K至66.3K(南向北)	舉發違反法條	道路交通管理處罰條例第40條0項00款11(期限內自動繳納處新台幣1600元)		
案日期	112年09月10日前	應到案處所	50新竹區監理所		
注意事項	1.本單經勾記「須至應到案處所聽候裁決」者，須依應到案日期、處所，持本通知單到案聽候裁決，如違規人未滿18歲，請由法定代理人、監護人等攜帶違規人之戶口名簿等文件到案，逾期不到案者，逕行裁決之。 2.受通知人認為受舉發之違規行為應歸責他人者，應於本單記載之應到案日期前，檢附相關證據及足資辨識、通知應歸責人之證明文件，向處罰機關(即應到案處所，以下同)告知應歸責人，逾期未依規定辦理者，依本條例違反條款規定處罰。 3.應到案期限未日為星期六、日、國定假日或其他休息日時，以休息日之次日代之。受通知人收受通知單時應到案日期不足30日或已逾應到案日期者，得於送達生效日後30日內到案。 4.不服舉發者，應於接獲本單30日內，向處罰機關陳述；自動繳納罰鍰後，若有不服者，仍得於繳納罰鍰後30日內向處罰機關陳述。 5.不服舉發者，應於接獲本單30日內，向處罰機關陳述；自動繳納罰鍰後，若有不服者，仍得於繳納罰鍰後30日內向處罰機關陳述。				
中華民國 112 年 07 月 27 日 填單	5A22072711631 BRC-8792 自用小客車	新竹縣政府警察局 新湖分局新豐分駐所 電話：03-5594052	填單人 職名章	警員 張書睿	

072417002 - 369

得採網際網路、語音轉帳、郵繳或向經委託代收之機構繳納罰鍰 須至應到案處所聽候裁決	被通知人 ✓ 汽車駕駛人 其他行為人	新竹縣政府警察局 舉發違反道路交通管理事件通知單 (本聯交被通知人收執)	保險證 有出示 未出示 逾期
---	--------------------------	--	-------------------------

120910D50

[通知聯] 竹縣警交字第 E89670055 號

使人(為人)名	逕行舉發 附採證照片	性別	男 女	地址	本單可至郵局或超商門市繳納罰鍰
號碼	BGD	出生年月日	年 月 日	駕照或身分證統一編號	代保管物件 無
地址	同駕駛人(或行為人)地址 304新竹縣新豐鄉新興路1號	車輛種類	自用小客車(X)	車主姓名	同駕駛人(或行為人)姓名
時間	112年07月19日17時56分	違規事實	駕車行經有燈光號誌管制之交岔路口闖紅燈		
地點	新竹縣竹北市中華路與鳳岡路口北上	舉發違反法條	道路交通管理處罰條例第53條1項00款01(期限內自動繳納處新台幣2700元)		
案日期	112年09月10日前	應到案處所	50新竹區監理所		
注意事項	1.本單經勾記「須至應到案處所聽候裁決」者，須依應到案日期、處所，持本通知單到案聽候裁決，如違規人未滿18歲，請由法定代理人、監護人等攜帶違規人之戶口名簿等文件到案，逾期不到案者，逕行裁決之。 2.受通知人認為受舉發之違規行為應歸責他人者，應於本單記載之應到案日期前，檢附相關證據及足資辨識、通知應歸責人之證明文件，向處罰機關(即應到案處所，以下同)告知應歸責人，逾期未依規定辦理者，依本條例違反條款規定處罰。 3.應到案期限未日為星期六、日、國定假日或其他休息日時，以休息日之次日代之。受通知人收受通知單時應到案日期不足30日或已逾應到案日期者，得於送達生效日後30日內到案。 4.不服舉發者，應於接獲本單30日內，向處罰機關陳述；自動繳納罰鍰後，若有不服者，仍得於繳納罰鍰後30日內向處罰機關陳述。 5.不服舉發者，應於接獲本單30日內，向處罰機關陳述；自動繳納罰鍰後，若有不服者，仍得於繳納罰鍰後30日內向處罰機關陳述。				
中華民國 112 年 07 月 27 日 填單	5A22072711631 BRC-8792 自用小客車	新竹縣政府警察局 交通隊 電話：03-5513509	填單人 職名章	分隊長 周家嫻	

台灣法規 Pháp luật Đài Loan

詐騙

Lừa đảo

新竹縣政府警察局
舉發違反道路交通管理事件通知單
■得回代收機捐繳納罰鍰
□須至應到案處所聽候裁決

掌電字第 E85A60025 號
被通知人 車主
駕駛人(或行為人)姓名
地址 臺中市

駕照或身分證號
出生年月日
車輛種類 自用小客車
牌照號碼 BGD-
代保管物件 0-無
車主姓名
車主地址 新竹縣新豐鄉新興路 1 號

違規時間 112年07月21日 06時44分
違規地點 竹北市尚義街65巷 與竹北市
鳳岡路三段88巷

違反道路交通管理處罰條例
違規事實 第21條6項00款
汽車所有人允許未領有駕照者駕駛其小型
車(肇事致人受傷)

到案日期 112年09月17日前
到案處所 新竹區監理所
舉發單位 竹北分局鳳岡派出所
舉發單位電話 (03)5561769
舉發員警 侯其安
舉發日期 112年08月03日
保險證 未出示
簽收情形 處車主駕駛人未簽收
收受人簽章

本單請勿留置車內或室外高溫處

新竹縣公有收費停車場停車費補繳通知單收據聯(繳款人收執)

補繳單號: XH20230803302971
繳納期限: 112年08月17日 以前

費補繳明細:

停車日期	時間	停車路段	原繳費通知單號	停車費
112/07/03	17:26	新泰路中泰路	AHWGS3V6A0G1394	\$50

車 號:

※如您於收到此繳費通知單前
已繳納停車費,可不予理會
本通知單

※本證為公有停車欠費繳費憑證,為
保障權益,請保存本收據六個月。

: 1張 停車費小計: 50元 工本費: 0元 應繳總金額: 50元 經手人:

疑問竹北地區可洽詢竹北市公所(03)552-7079、(03)554-1754, 湖口地區可洽詢湖口鄉公所(03)599-3911
292, 竹東地區可洽詢竹東鎮公所(03)595-5556。
新竹縣政府交通旅遊處(03)551-9559

交通部高速公路局 通行費繳費通知單 Payment Notice

易期間Billing Cycle	本期新增金額Total Amount	繳款截止日期Due Date
3/06/16-06/30	241	2023/08/10

貼心小提醒

如有前期未繳通行費,請儘速至遠通網站、遠通ETC APP、四大超商多媒體事務機查詢及繳費,若您已繳款,請無需理會此訊息!
Tag 免等帳單,少紙減碳最環保!愛護地球你我攜手努力,讓下一代的生活更美好!

通行交易明細 Billing Statement 出帳編號: M2383939434				繳款方式說明 Payment Channels (本通知單僅為通知,無法持單繳費)	
日期	通行費	交易日期	通行費	【臨櫃繳費通路】 郵局、遠傳門市為全額繳款通路 遠通服務中心 【補單繳費通路】 全家、7-11、萊爾富、OK 超商:均使用多媒體 事務機,並依螢幕指示操作繳費。 美廉社:請先至美廉社官網列印繳費單,再持 繳費單至美廉社繳費。 【eTag 客戶可使用 eTag 卡條碼儲值】 以百元為單位儲值。 ※繳款採車號及車主證號驗證繳費,若您的車輛為 「長期租賃車輛」請以「車號+租賃公司統編」 查詢及繳費。 ※詳細繳款說明請參照: 右方 QR code 下載 ETC App 服務指南 或遠通電收網站(www.fetc.net.tw)	
06/20	79				
06/21	20				
06/25	71				
06/29	71				
				English payment instructions	ETC APP 下載

台灣法規 Pháp luật Đài Loan

詐騙

Lừa đảo



THÔNG BÁO QUAN TRỌNG

重要公告

堅毅 求新 創造

台灣法規

Pháp luật Đài Loan

竊盜罪(非告訴乃論)俗稱公訴罪：普通竊盜罪：意圖為自己或第三人不法之所有，而竊取他人之動產者，為竊盜罪，處五年以下有期徒刑、拘役或五百元以下罰金。
(刑法第三百二十條第一項)

Tội trộm cắp (không khai báo thật) thường được coi là tội bị truy tố: có ý đồ trộm cắp tài sản của người khác hoặc bên thứ ba làm của riêng, được định tội trộm cắp, xử ý phạt tù không quá năm năm, tạm giam hoặc phạt tiền không quá 500 Đài tệ.
(Luật Hình sự, điều 320, khoản 1)

An toàn kí túc xá

宿舍安全宣導

規則通知

THÔNG BÁO QUY ĐỊNH

宿舍安全宣導

AN TOÀN N KÍ TÚ C XÁ

第六條 宿舍規則 điều số 6 kí túc có quy định:

一、維護宿舍秩序及環境整潔, 為全體住宿生之共同責任。

1. Sửa chữa, dọn dẹp vật dụng và môi trường trong kí túc là trách nhiệm chung của tất cả mọi người.

二、寢室床位編訂後, 未經宿舍輔導人員同意, 未經允許不得進入寢室。

2. Số giường sau khi đã định, chưa thông qua đồng ý của quản lí kí túc, không được đưa người ngoài vào trong phòng .

三、遵守各宿舍作息時間。

3. Tuân thủ thời gian làm việc của các kí túc.

宿舍安全宣導

AN TOÀN KÍ TÚ C XÁ

1. Sửa chữa, dọn dẹp vật dụng và môi trường trong kí túc là trách nhiệm chung của tất cả mọi người
2. Số giường sau khi đã định, chưa thông qua đồng ý của quản lí kí túc, không được đưa người ngoài vào trong phòng
3. Tuân thủ thời gian làm việc của các kí túc
4. khách đến KTX chỉ được tiếp ở phòng khách, không được tự ý đưa vào phòng
5. Nếu có việc phải ra ngoài vào ban đêm, cần phải điền đơn đăng kí
6. Ngoài trừ các vật gia dụng điện trong phòng bếp, không được tự ý nối và sử dụng các thiết bị nặng điện ở phòng riêng (nồi điện, máy sưởi, nồi lẩu điện,...), để bảo vệ an toàn KTX.
7. Trong KTX không được phép cờ bạc, đánh nhau, rượu bia, trộm cắp, nuôi thú cưng hay các hành vi không đúng khác.
8. Sinh viên không ở KTX thì không được ngủ lại KTX qua đêm nếu không được đồng ý, và không được đem bạn khác giới vào KTX
9. Tất cả vật dụng trong KTX phải sử dụng cẩn thận và không được tự ý làm hư, hỏng hoặc phá hủy
10. Nếu học sinh vi phạm nội quy KTX, tùy theo mức độ sẽ thông báo về gia đình; đồng thời bị xử lý theo quy định thưởng phạt của trường, vi phạm quá nặng sẽ xử lý chuyên biệt.

宿舍安全宣導

AN TOÀN KÍ TÚ C XÁ

第六條 宿舍規則 điều số 6 kí túc có quy định:

四、住宿生會客僅限於各宿舍會客室實施,不得擅自帶進寢室。

4. **Khách đến KTX chỉ được tiếp ở phòng khách, không được tự ý đưa vào phòng riêng.**

五、住宿生晚間因事外宿,須填寫外宿登記簿備查。

5. **Nếu có việc phải ra ngoài vào ban đêm không về, cần phải điền đơn đăng kí .**

六、各宿舍除小廚房公設之家電用品外,不得私接電線或使用高耗電之電器 (電湯匙、暖氣、電鍋等),以維護宿舍安全。

6. **Ngoài trừ các vật gia dụng điện trong phòng bếp, không được tự ý nối và sử dụng các thiết bị nặng điện ở phòng riêng (nồi điện, máy sưởi, nồi lẩu điện,...), để bảo vệ an toàn KTX.**

宿舍安全宣導

AN TOÀN KÍ TÚ C XÁ

第六條 宿舍規則 điều số 6 kí túc có quy định:

七、住宿生不得在舍內有賭博、鬥毆、飲酒、盜竊、飼養寵物或其他不正當 之行為。

7. Trong KTX không được phép cờ bạc, đánh nhau, rượu bia, trộm cắp, nuôi thú cưng hay các hành vi không đúng khác.

八、住宿生未經同意不得留宿非住宿生或讓異性進入宿舍。

8. Sinh viên không ở KTX thì không được ngủ lại KTX qua đêm nếu không được đồng ý, và không được đem bạn khác giới vào KTX

宿舍安全宣導

AN TOÀN KÍ TÚ C XÁ

第六條 宿舍規則 điều số 6 kí túc có quy định:

九、宿舍各項物品均應愛惜使用, 不得任意破壞損毀。

9. Tất cả vật dụng trong KTX phải sử dụng cẩn thận và không được tự ý làm hư, hỏng hoặc phá hủy.

十、住宿學生凡違反住宿規則, 視情節輕重通知家長; 並依學生獎懲辦法處理, 重大違規者另行專案簽處。

10. Nếu học sinh vi phạm nội quy KTX, tùy theo mức độ sẽ thông báo về gia đình; đồng thời bị xử lý theo quy định thưởng phạt của trường, vi phạm quá nặng sẽ xử lý chuyên biệt.

宿舍安全宣導

AN TOÀN KÍ TÚC XÁ

因學生將帶有電池產品放置於密閉處且周遭有許多易燃物，電池不穩定導致自燃引起火災。Bởi vì học sinh mang đồ điện tử có pin để ở nơi kín có nhiều thiết bị dễ cháy nổ, pin không ổn định dẫn đến tự cháy gây hỏa hoạn.

經火災警報系統，校方第一時間將火勢撲滅，未釀成任何災害。 Thông qua hệ thống cảnh báo hỏa hoạn, phía nhà trường ngay lập tức thực hiện công tác phòng chữa cháy, may mắn không có bất kì thiệt hại nào .

明新科大宿舍中午傳火警 校方破門撲滅幸未釀災



2018-11-06 13:05 聯合報 記者郭政芳／即時報導 讚 2 分享



109/11/06(二)明新科大愛苑火災事件

Sự kiện hỏa hoạn ngày 6/11/2020 KTX 愛苑

宿舍安全宣導

AN TOÀN KÍ TÚC XÁ



109/11/06(二)明新科大愛苑火災事件

Sự kiện hỏa hoạn ngày 6/11/2020 KTX 愛苑

請同學注意看以下
的照片

Mời các em theo dõi những
hình ảnh được chụp tại ký túc
xá như sau

KÝ TÚC XÁ MỚI





**不可卡門
損壞要賠償**



垃圾要分類
並且要綁好



衣服
不可曬在房間外面



衣服
不可曬在房間外面



垃圾不可放在走廊



垃圾不可放在走廊



茶水間
使用完畢要整理乾淨



茶水間
使用完畢要整理乾淨





女生宿舍
大門隨時關閉



不可在房間煮食物



不可在房間抽菸

宿舍安全宣導

AN TOÀN KÍ TÚ C XÁ

Kí túc xá tuyệt đối nghiêm cấm 宿舍嚴格禁止

- 抽菸、喝酒、大聲喧嘩影響到他人行為
- Hút thuốc, uống rượu, các hành vi huyên náo 飲酒容易誤事
- lớn tiếng ảnh hưởng đến người khác
- Uống rượu dễ sinh chuyện
- 立即通報舍長、教官、依照規定處分
- Lập tức báo trưởng KTX, giáo quan. Dựa theo quy định xử lý



宿舍安全宣導

AN TOÀN KÍ TÚC XÁ

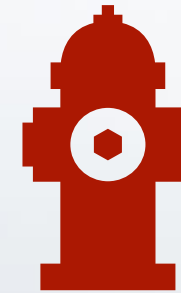
使用宿舍滅火器滅火

Dùng bình chữa cháy của KTX để dập lửa

立即通報舍長、教官

Lập tức báo quản lý KTX và giáo quan

逃生 Thoát thân



電線走火如何處置

Dây điện phát hỏa phải xử lý như nào

請注意你的 金融帳戶及手機門號

千萬別成為人頭帳戶，淪為詐騙犯罪工具！



小提醒

- ⊗ 不要簽署不明文件
- ⊗ 不要向意圖不明的業者申辦手機門號
- ⊗ 個人證件、帳戶和手機門號不要隨便交給他人使用
- ⊗ 不再使用之手機門號或金融帳戶請辦理停用



內政部移民署

新住民發展基金補助

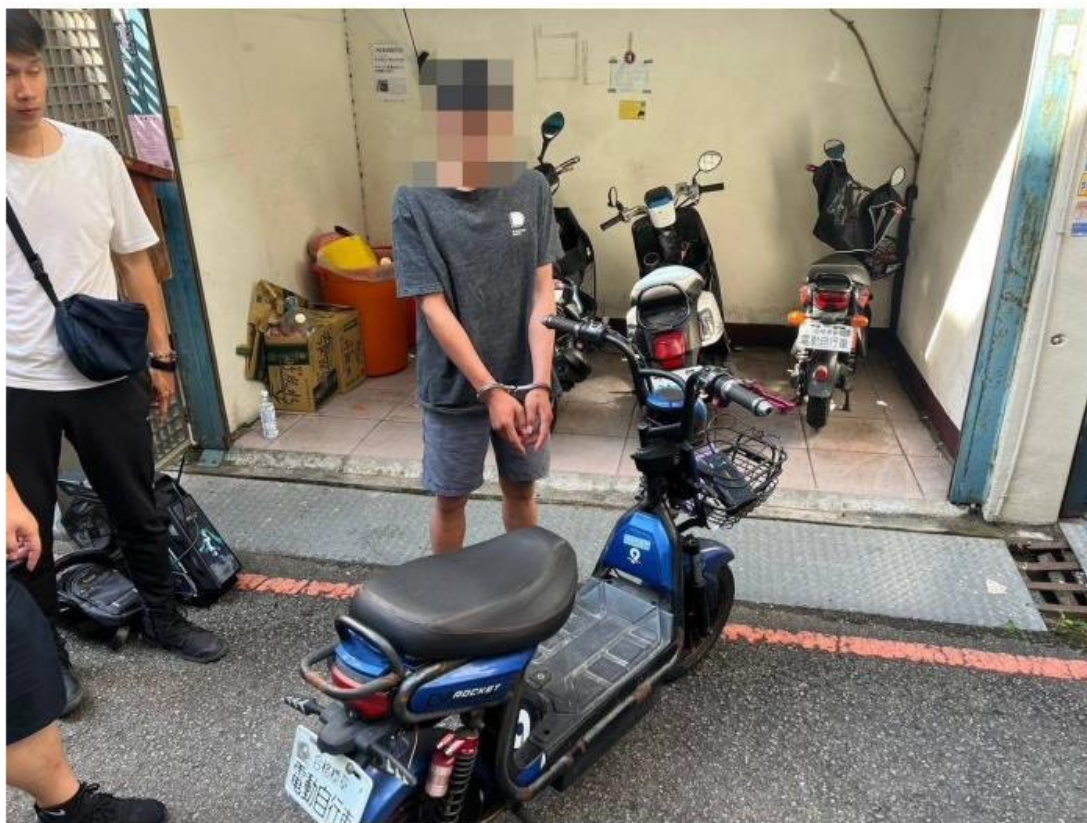
廣告

**TÀI KHOẢN CÁ
NHÂN, SỐ ĐIỆN THOẠI
KHÔNG ĐƯỢC CHO
NGƯỜI KHÁC SỬ DỤNG**

其他重要宣導

詐團車手國際化 竹縣新湖警破獲外籍移工車手集團

2024-07-28



越南移工車手集團 女大生來打工



▲范姓和阮姓兩名越南籍移工被新竹縣警方逮捕，聲押禁見獲准。
(新湖分局提供)

▶新竹警方破獲外籍移工車手集團。
(新湖分局提供)



范姓和阮姓兩名越南籍移工被新竹縣警方逮捕，聲押禁見獲准。(新湖分局提供) 新竹警方破獲外籍移工車手集團。(新湖分局提供)

車手刑責可能有哪些？

NHỮNG HÌNH PHẠT NÀO CHO TỘI TIẾP TAY



PHẠT NẶNG TỘI LƯỜNG GẠT
加重詐欺罪



TỘI RỬA TIỀN
洗錢罪



TỘI RỬA TỘI THAM GIA TỔ
CHỨC PHẠM TỘI TỔ

最重可判處 **7** 年以下有期徒刑

若有任何問題，請第一時間連絡班導師、專班辦公室或外籍暨僑生輔導中心。

Nếu có bất kì vấn đề gì xảy ra cần liên hệ ngay với giáo viên chủ nhiệm hoặc văn phòng khoa, hoặc Trung tâm quản lý sinh viên quốc tế

明新科技大學

校安中心

Campus Security Center

校安中心電話 Tel : (03)5593142 ext. 2321

24HR 緊急通報電話(0937-623842)

Số điện thoại khẩn của **Trung tâm an toàn trường học.**

急難救助緊急聯絡人員與電話。

Nhân viên, phòng ban và số điện thoại cần thiết khi có việc khẩn cấp.

系主任

TRƯỞNG KHOA : TRƯƠNG THỪA HUÂN



系主任

江培成

Email

jpc77127@must.edu.tw

電話

3140/3272

班導師

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM : TRỊNH MỸ DUYÊN



助理教授

劉啟文

Email

liuchiwen@must.edu.tw

電話

3156

系助理

TRỢ LÝ KHOA: LÂM TUỆ ĐÌNH



約僱人員

林慧婷

Email

sylvia.lin@must.edu.tw

電話

3165

系助理

TRỢ LÝ KHOA: LÂM TUỆ ĐÌNH



約僱人員

鄭美媛

Email

mei0414@must.edu.tw

電話

3146